

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

Về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai

Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai¹.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thành lập và quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai, nguồn tài chính, nội dung chi, đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp, quy trình điều tiết, công khai thông tin và thanh quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

¹ Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.”

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại Việt Nam.

Điều 3. Tên gọi, địa vị pháp lý của Quỹ phòng, chống thiên tai

1. Quỹ phòng, chống thiên tai là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2.² Quỹ phòng, chống thiên tai trung ương (sau đây gọi tắt là Quỹ trung ương) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập và quản lý. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ trung ương là: Vietnam Disaster Management Fund, viết tắt là VNDMF.

3. Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Quỹ cấp tỉnh) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập, do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ cấp tỉnh được đặt theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4.³ (*được bãi bỏ*).

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ phòng, chống thiên tai

1. Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính.

3. Thực hiện chế độ báo cáo, kế toán theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Công bố công khai về quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai, báo cáo tình hình thực hiện quỹ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRUNG ƯƠNG

Điều 5. Bộ máy quản lý và điều hành⁴

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sử dụng bộ máy của cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai làm cơ quan quản lý Quỹ trung ương.

2. Cơ quan quản lý Quỹ trung ương gồm có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, công chức, viên chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc biệt phái.

a) Giám đốc Quỹ trung ương do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định. Giám đốc Quỹ trung ương là đại diện theo pháp luật của Quỹ trung ương; được ký hợp đồng theo quy định của pháp luật đối với một số công việc phục vụ hoạt động của quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Các Phó giám đốc Quỹ trung ương do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ trung ương.

c) Kế toán trưởng, công chức, viên chức kiêm nhiệm, biệt phái tại cơ quan quản lý Quỹ trung ương do Giám đốc Quỹ trung ương quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý Quỹ trung ương được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ trung ương do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo đề nghị của cơ quan quản lý Quỹ trung ương.

Điều 6. Nguồn tài chính

1. Hỗ trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện⁵ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Các khoản đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện cho Quỹ phòng, chống thiên tai trung ương của các tổ chức, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Điều tiết từ Quỹ cấp tỉnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thu lãi từ tài khoản tiền gửi.

4. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

5. Tồn dư Quỹ trung ương năm trước được chuyển sang năm sau.

Điều 7. Nội dung chi

1. Cứu trợ, hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai khẩn cấp khi vượt quá khả năng ứng phó của địa phương; trong đó ưu tiên cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai, hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học và xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai.

2. Hỗ trợ các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai cho các địa phương chịu thiệt hại bởi thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương; hỗ trợ, trợ cấp

⁵ Cụm từ “ủy thác” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

đột xuất cho các nạn nhân, gia đình nạn nhân bị thiệt hại do thiên tai và người bị tai nạn, thiệt hại khi tham gia phòng, chống thiên tai.

3. Hỗ trợ cho các dự án khẩn cấp phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dự án điều tra cơ bản và các hoạt động phòng, chống thiên tai liên tỉnh, liên vùng, liên ngành.

4. Hỗ trợ công tác cảnh báo, theo dõi, giám sát, truyền tin thiên tai.

5. Hỗ trợ các hoạt động thông tin, truyền thông, đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức phòng, chống thiên tai cho người dân; tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ và trao đổi, học tập kinh nghiệm về nghiệp vụ quản lý giữa các Quỹ cấp tỉnh.

6. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ trung ương trong năm không vượt quá 1% tổng số nguồn thu của quỹ trong năm đó.

Điều 8. Lập kế hoạch tài chính và quyết toán thu, chi quỹ⁶

1. Hàng năm, cơ quan quản lý Quỹ trung ương lập kế hoạch tài chính năm, kế hoạch tài chính năm sau báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định.

2. Hàng năm, cơ quan quản lý Quỹ trung ương lập báo cáo quyết toán thu, chi quỹ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt quyết toán theo quy định.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Bộ Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi của Quỹ trung ương để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 8a. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản⁷

Quỹ trung ương thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản như sau:

1. Thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

Điều 9. Công khai thông tin

Thông tin về hoạt động của Quỹ trung ương được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; công bố trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở chính của cơ quan quản lý Quỹ trung ương gồm:

1. Thông tin cơ bản về Quỹ trung ương và kế hoạch hoạt động.

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

⁷ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

2. Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán.
3. Báo cáo kết quả thực hiện.

Điều 10. Mối quan hệ giữa Quỹ trung ương và Quỹ cấp tỉnh⁸

1. Trách nhiệm của Quỹ trung ương:

- a) Điều tiết nguồn kinh phí cho Quỹ cấp tỉnh.
- b) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản điều tiết từ Quỹ cấp tỉnh.

2. Trách nhiệm của Quỹ cấp tỉnh:

- a) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản điều tiết từ Quỹ trung ương.

b) Chuyển kinh phí cho Quỹ trung ương theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng Quỹ cấp tỉnh cho cơ quan quản lý Quỹ trung ương để tổng hợp.

Chương III

QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CẤP TỈNH

Điều 11. Bộ máy quản lý và điều hành⁹

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Quỹ cấp tỉnh; sử dụng bộ máy của cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai làm cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh.

2. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh gồm có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, công chức, viên chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc biệt phái.

a) Giám đốc Quỹ cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Giám đốc Quỹ cấp tỉnh là đại diện theo pháp luật của Quỹ cấp tỉnh; được ký hợp đồng theo quy định của pháp luật đối với một số công việc phục vụ hoạt động của quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Các Phó giám đốc Quỹ cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ cấp tỉnh.

c) Kế toán trưởng, công chức, viên chức kiêm nhiệm, biệt phái tại cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh do Giám đốc quỹ quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo đề nghị của cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh.

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã tổ chức công tác thu, nộp quỹ theo quy định.

Điều 12. Nguồn tài chính

1. Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

2. Đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, doanh nghiệp cho Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đóng góp hàng năm như sau:¹⁰

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (cấp huyện), ở xã, phường, thị trấn (cấp xã), ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

b) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất.

c) Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, b khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

4. Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

5. Điều tiết từ Quỹ trung ương và giữa các Quỹ cấp tỉnh.

6. Thu lãi từ tài khoản tiền gửi.

7. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

8. Tồn dư Quỹ cấp tỉnh cuối năm trước được chuyển sang năm sau.

Điều 13. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

¹⁰ Đoạn dẫn “Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật đóng góp hàng năm như sau:” được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

1. Đối tượng được miễn đóng góp:

a) Đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020.

b)¹¹ Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; đối tượng được trợ giúp xã hội khẩn cấp theo quy định của pháp luật về chế độ trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định này từ đủ 60 tuổi trở lên.

c) Hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí.

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung, dài hạn tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề.

d)¹² Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo; người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật dân sự.

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên.

g)¹³ Phụ nữ đang mang thai; phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

h)¹⁴ Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo, cận nghèo; thành viên hộ gia đình bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; thành viên hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, quyết định của Ủy ban Dân tộc và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

i) Hợp tác xã không có nguồn thu.

k) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị khi phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (0,02%) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 05 ngày liên tục trở lên có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

¹¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

¹² Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

¹³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

¹⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp:

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh. Mức giảm đóng góp quỹ tương ứng mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan Thuế công bố hàng năm.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp danh sách các đối tượng được quy định tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ. Thời gian tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh từ 06 tháng đến 01 năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp danh sách các đối tượng còn lại quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định miễn đóng góp.

3. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cấp tỉnh của địa phương được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ cấp tỉnh. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, dịch bệnh; tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất chính quyền địa phương để tổng hợp gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ cấp tỉnh, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

Điều 15. Quản lý thu, kế hoạch thu nộp

1. Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm cung cấp đầy đủ danh sách kế hoạch thu, nộp quỹ của các cá nhân do mình quản lý và nộp Quỹ cấp tỉnh theo định mức được quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định này chuyển vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh hoặc tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định này có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh hoặc vào tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định này và chuyển vào tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4.¹⁵ Thời hạn lập và phê duyệt kế hoạch thu, nộp Quỹ cấp tỉnh: Trước ngày 31 tháng 5 hàng năm.

5. Thời hạn nộp Quỹ cấp tỉnh: Đối với cá nhân nộp một lần trước 31 tháng 7 hàng năm; đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước 31 tháng 7, số còn lại nộp trước 30 tháng 11 hàng năm. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh kéo dài và ảnh hưởng phạm vi lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, điều chỉnh thời hạn nộp hoặc quyết định miễn, giảm đóng góp Quỹ cấp tỉnh cho phù hợp.

6. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, các đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn để xây dựng kế hoạch thu của cơ quan, đơn vị và địa phương.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn việc lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu Quỹ cấp tỉnh đối với từng cơ quan, đơn vị có liên quan.

a) Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp và chỉ đạo Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn; thông tin tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 cho cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu.

b) Cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp, người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu tại các cấp.

Điều 16. Nội dung chi

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, ưu tiên các hoạt động sau đây:

a) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

b) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

2. Căn cứ nội dung chi của Quỹ cấp tỉnh tại khoản 1 Điều này và số thu thực tế trên địa bàn mỗi cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại tối đa không quá 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (không quá 5%); chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không quá 3%) và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã (không quá 20%). Số tiền thu quỹ còn lại (tối thiểu 72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền. Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và các xã khu vực III, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu cho Ủy ban nhân dân cấp xã phải bằng số tiền của cấp xã (trừ các xã nêu trên) được phân bổ thấp nhất.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ lại tối đa không quá 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện (không quá 20%) và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không quá 3%). Số tiền còn lại (tối thiểu 77% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh.

c) Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, xã đã sử dụng hết.

3. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh nhưng không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh.

Điều 17. Thẩm quyền chi¹⁶

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ cấp tỉnh tại Điều 16 Nghị định này theo đề nghị của cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh.

2. Đối với các nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ cấp tỉnh.

3. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từ Quỹ Phòng, chống thiên tai do Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức đề nghị; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Thực hiện việc điều tiết về Quỹ trung ương theo quy định tại Điều 21 Nghị định này, điều chuyển giữa các Quỹ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 18. Báo cáo, phê duyệt quyết toán¹⁷

1. Hàng năm, cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh báo cáo kết quả thu, chi quỹ với cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

Điều 18a. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản¹⁸

1. Thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

Điều 19. Thanh tra, kiểm toán và giám sát hoạt động

1. Quỹ cấp tỉnh chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

¹⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

¹⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

¹⁸ Điều này được bổ sung tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo kiểm tra¹⁹ hoạt động của Quỹ cấp tỉnh. Có biện pháp đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ kế hoạch thu quỹ đã được phê duyệt hàng năm, cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

4. Cơ quan Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, các tổ chức Hội có liên quan đến Quỹ cấp tỉnh được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện.

Điều 20. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, bằng các hình thức: thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh.

2. Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng quỹ trên địa bàn; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi bằng các hình thức: báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã.

3. Cấp huyện phải công khai kết quả thu nộp, danh sách tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đã đóng quỹ trên địa bàn huyện và từng xã; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi bằng các hình thức: báo cáo giải trình tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn cấp huyện bằng các hình thức: gửi cơ quan quản lý Quỹ trung ương; niêm yết tại trụ sở Quỹ cấp tỉnh; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp quỹ; công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương IV

QUY TRÌNH ĐIỀU TIẾT QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Điều 21. Điều tiết từ Quỹ cấp tỉnh về Quỹ trung ương²⁰

¹⁹ Cụm từ “giám sát” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

²⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

Căn cứ tình hình thiên tai, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ của các địa phương và tình hình tài chính Quỹ cấp tỉnh tại thời điểm điều tiết và ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương liên quan, cơ quan quản lý Quỹ trung ương báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét điều tiết từ Quỹ cấp tỉnh về Quỹ trung ương.

Điều 22. Điều tiết từ Quỹ trung ương về Quỹ cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Báo cáo tình hình huy động nguồn lực của địa phương để chi khắc phục hậu quả thiên tai; trong đó cụ thể nguồn tài chính đã chi để thực hiện: dự phòng ngân sách địa phương, Quỹ cấp tỉnh, Quỹ dự trữ tài chính và các nguồn lực hợp pháp khác.

b) Báo cáo tình hình thực hiện Quỹ cấp tỉnh về Quỹ trung ương, bao gồm: các hoạt động đã bố trí dự toán, đã sử dụng và tồn dư quỹ còn lại đến thời điểm đề nghị điều tiết.

2.²¹ Cơ quan quản lý Quỹ trung ương tổng hợp nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ của các địa phương, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ kinh phí từ Quỹ trung ương cho các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 23. Điều chuyển giữa các Quỹ cấp tỉnh²²

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chuyển quỹ hỗ trợ cho các địa phương khác.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển Quỹ của địa phương này để hỗ trợ địa phương khác trong trường hợp cấp bách theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương liên quan.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp

1.²³ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

²¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

²² Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

²³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

a) Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, sử dụng và thanh toán, quyết toán Quỹ trung ương.

b) Tổ chức huy động và tiếp nhận các khoản hỗ trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện và các nguồn hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho Quỹ trung ương.

c) Tổng hợp kết quả tình hình quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai theo định kỳ hàng năm và đột xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về Quỹ phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a)²⁴ (*được bãi bỏ*).

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc kiểm tra²⁵ tình hình quản lý và sử dụng Quỹ trung ương.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra²⁶ hoạt động quỹ; chỉ đạo việc công khai thông tin về quỹ theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức thu, nộp quỹ theo quy định tại Nghị định này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành²⁷

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống

²⁴ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

²⁵ Cụm từ “giám sát” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

²⁶ Cụm từ “giám sát” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

²⁷ Điều 3 của Nghị định số Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiện toàn bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiện toàn bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này chậm nhất 45 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

thiên tai; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

3. Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 hoàn thiện tổ chức và hoạt động của quỹ theo quy định tại Nghị định này trước ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 02 /VBHN-BNNMT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ);
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Công thông tin điện tử Bộ NN&MT (đăng tải);
- Vụ Pháp chế Bộ NN&MT (đăng tải CSDLQGPL);
- Lưu: VT, ĐĐ (10b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

**KT. BỘ TRƯỞNG
THÚ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp